

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/DS-ST

Ngày 28/9/2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Minh Lực.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Tạ Khắc Nghĩa.

- Ông Nguyễn Văn Phiếu.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:
Bà Đinh Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2020/TLST - DS ngày 07 tháng 7 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXX-DS ngày 11 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng chính sách xã hội.

Địa chỉ: Số 169, phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đơn vị được ủy quyền: Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N.

Địa chỉ: Thôn C, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Văn Q - Chức vụ: Giám đốc (theo Quyết định số 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016 của Tổng giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội) - Ông Q vắng mặt, có đơn đề nghị xử vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1962. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xử vắng mặt).

Địa chỉ: Phố T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phùng Đình N, sinh năm 1958. Ông N vắng mặt.

Địa chỉ: Phố T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Ông N ủy quyền cho bà L theo giấy ủy quyền ngày 30/8/2020.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 07/7/2020, biên bản hòa giải ngày 11 tháng 9 năm 2020 và đơn xin xử vắng mặt, ông Vũ Văn Q trình bày:

Ngày 20/4/2015, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N cho bà Lê Thị L vay số tiền 45.000.000 đồng thuộc tổ tiết kiệm và vay vốn của bà Tạ Thị Oanh T do Hội phụ nữ phố T, thị trấn N quản lý, mục đích vay vốn: Chăn nuôi, hạn trả nợ ngày 20/4/2019. Lãi suất 0.72%/tháng, lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất trong hạn. Chuyển nợ quá hạn từ ngày 17/8/2018. Bà L đã nộp lãi đến ngày 26/5/2016 số tiền 4.341.600 đồng. Từ 26/7/2018 đến nay, mặc dù Tổ tiết kiệm vay vốn Hội phụ nữ phố T, Ủy ban nhân dân thị trấn N và Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N đã nhiều lần đôn đốc trả nợ tuy nhiên bà Lê Thị L vẫn chưa thanh toán số tiền gốc quá hạn và lãi phát sinh cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N.

Ngày 25/10/2016, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N cho bà Lê Thị L vay số tiền 14.000.000 đồng thuộc tổ tiết kiệm vay vốn bà Tạ Thị Oanh T do Hội phụ nữ phố T, thị trấn N, huyện N quản lý, mục đích vay vốn: Kinh doanh hàng tạp hóa, hạn trả nợ ngày 25/7/2018 là món vay giải quyết việc làm. Lãi suất 0.55%/tháng, lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất trong hạn. Chuyển nợ quá hạn từ ngày 17/8/2018. Bà L đã nộp lãi đến ngày 17/02/2017 số tiền 295.000 đồng. Ý kiến ông Q: Đối với đề nghị của bà Lê Thị L đề nghị khi nào gia đình bà có điều kiện kinh tế thì mới trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng là không thực tế và Ngân hàng không chấp nhận yêu cầu trên. Ngân hàng đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật giải quyết đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng.

Ông Vũ Văn Q yêu cầu Tòa án buộc bị đơn là bà Lê Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phùng Đình N phải trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N tổng số tiền của 02 khoản vay là 81.514.379 đồng trong đó: số tiền gốc của hai khoản vay là 59.000.000 đồng (Năm mươi chín triệu đồng) và tổng số tiền lãi phát sinh đến ngày 28/9/2020 là 22.514.379 đồng. Đối với khoản vay 14.000.000 đồng số tiền lãi là 3.936.779 đồng (trong đó lãi trong hạn là 1.393.348 đồng lãi quá hạn là 2.543.431 đồng); đối với khoản vay 45.000.000 đồng tính đến ngày 28/9/2020 tổng tiền lãi là 18.575.600 đồng (trong đó lãi trong hạn là 11.654.532 đồng, lãi quá hạn là 6.921.068 đồng).

Ý kiến bà L: Tại bản tự khai ngày 6/8/2020, biên bản hòa giải ngày 11 tháng 9 năm 2020 và trong đơn xin xử vắng mặt bà L trình bày :

Bà xác nhận có vay của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N cụ thể như sau:

- Ngày 25/10/2016 bà có vay số tiền 14.000.000 đồng của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N, thuộc tổ tiết kiệm và vay vốn của bà (Tạ Thị Oanh T ở phố T) hạn trả nợ ngày 25/07/2018, mục đích vay vốn là: Kinh doanh hàng tạp hóa.

- Ngày 20/4/2015 bà có vay số tiền 45.000.000 đồng của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N, thuộc tổ tiết kiệm và vay vốn của bà (Tạ Thị Oanh T ở phố T) hạn trả nợ ngày 20/4/2019, mục đích vay vốn là: Chăn nuôi.

Mặc dù Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N, Tổ vay vốn phố T, UBND thị trấn N và Hội phụ nữ thị trấn N đã nhiều lần đôn đốc bà trả nợ. Bà đã khất nợ nhiều lần do điều kiện kinh tế khó khăn và do ốm đau thường xuyên phải đi chữa bệnh nên bà chưa trả được gốc và lãi theo thỏa thuận với Ngân hàng. Từ khi vay bà mới nộp tiền lãi (món 14 triệu) là 295.000 đồng, (món 45 triệu) mới nộp tiền lãi được 4.342.000 đồng. Trả thời điểm nào thì bà không nhớ cụ thể.

Nay Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N khởi kiện yêu cầu bà trả nợ gốc và lãi: Bà đề nghị Tòa án hòa giải để Ngân hàng tạo điều kiện cho bà trả nợ dần cho Ngân hàng như sau: Hiện nay bà đang phải trả nợ lãi của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N cho các hộ là Nguyễn Thị T ở phố T, thị trấn N một tháng 500.000 đồng, hộ ông Lê Xuân L ở thôn T xã Đ một tháng từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng, ngoài ra bà còn nợ một số Ngân hàng khác như Ngân hàng đầu tư phát triển chi nhánh T, ngoài ra bà còn thường xuyên bị ốm đau đi bệnh viện điều trị và mua thuốc điều trị bên ngoài, nên kinh tế gia đình hết sức khó khăn nên chưa có khả năng trả nợ ngay cho Ngân hàng. Khi nào gia đình bà làm ăn kinh tế phát triển có khả năng trả nợ thì bà sẽ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng sau.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N có quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật. Đề nghị áp dụng: Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Các Điều 463, 466, 470, 688 Bộ luật dân sự 2015

Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Buộc vợ chồng bà Lê Thị L và ông Phùng Đình N phải trả toàn bộ số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử 28/9/2020 là 81.514.379 đồng của hai khoản vay gồm:

Số tiền gốc của hai khoản vay là 59.000.000 đồng (Năm mươi chín triệu đồng) và tổng số tiền lãi phát sinh đến ngày 28/9/2020 là 22.514.379 đồng.

Cụ thể là khoản vay 14.000.000 đồng số tiền lãi là 3.936.779 đồng (trong đó lãi trong hạn là 1.393.348 đồng lãi quá hạn là 2.543.431 đồng) và khoản vay 45.000.000 đồng tính đến ngày 28/9/2020 tổng tiền lãi là 18.575.600 đồng (trong đó lãi trong hạn là 11.654.532 đồng, lãi quá hạn là 6.921.068 đồng). Vợ chồng bà Lê Thị L và ông Phùng Đình N chịu số tiền lãi phát sinh theo sổ vay vốn kể từ ngày 29/9/2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị L và ông Phùng Đình N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền: 4.075.719 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án “Tranh chấp về hợp đồng dân sự” theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

1. Về thủ tục tố tụng:

- Về hình thức, nội dung đơn khởi kiện đúng theo quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự cần được xem xét giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện N đã ra thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho các đương sự. Đến ngày 11 tháng 9 năm 2020. Tòa án nhân dân huyện N đã Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

2. Về nội dung án: Đối với ý kiến của Phòng giao dịch NHCSXH huyện N, tỉnh Ninh Bình, do ông Vũ Văn Q là đại diện khởi kiện yêu cầu Tòa án: Buộc vợ chồng bà Lê Thị L và ông Phùng Đình N phải trả toàn bộ số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử 28/9/2020 là 81.514.379 đồng.

Từ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử xác định:

Hợp đồng dân sự giữa Ngân hàng chính sách xã hội Phòng giao dịch huyện N và vợ chồng bà Lê Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phùng Đình N được phát sinh từ giao dịch dân sự. Từ đó hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi vay đã ký kết giữa Ngân hàng chính sách xã hội Phòng giao dịch huyện N và vợ chồng bà L, ông N đã được xác lập và hình thành, quyền và nghĩa vụ của các bên đã phát sinh và chịu sự điều chỉnh của pháp luật. Đối với Ngân hàng chính sách xã hội Phòng giao dịch huyện N đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ trong việc giao tiền

đúng hạn và đầy đủ đúng số lượng tiền như đã ký kết. Quá trình ký kết hồ sơ vay vốn và trực tiếp ký nhận tiền vay tại ngân hàng chính sách xã hội là do bà L thực hiện. Việc trả nợ theo hợp đồng thì bà L và ông N đã không thực hiện đúng như trong hợp đồng đã ký kết đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Quan hệ vợ chồng thì bà L và ông N vẫn tồn tại cả về pháp lý và thực tế. Các giao dịch dân sự cũng như hợp đồng phát sinh sử dụng vào mục đích chung của vợ chồng và gia đình do vợ hoặc chồng đã thực hiện thì vợ chồng có các quyền và nghĩa vụ chung theo quy định của pháp luật. Vì vậy ông N cũng phải có nghĩa vụ và trách nhiệm cùng với bà L trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội Phòng giao dịch huyện N.

Từ thực tế và các căn cứ nêu trên. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội Phòng giao dịch huyện N là có căn cứ đúng quy định tại các Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội Phòng giao dịch huyện N; Buộc vợ chồng bà Lê Thị L và ông Phùng Đình N phải trả toàn bộ số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử 28/9/2020 là 81.514.379 đồng (trong đó gồm số tiền gốc của hai khoản vay là 59.000.000 đồng (Năm mươi chín triệu đồng) và tổng số tiền lãi phát sinh đến ngày 28/9/2020 là 22.514.379 đồng. Cụ thể là khoản vay 14.000.000 đồng số tiền lãi là 3.936.779 đồng (trong đó lãi trong hạn là 1.393.348 đồng lãi quá hạn là 2.543.431 đồng) và khoản vay 45.000.000 đồng tính đến ngày 28/9/2020 tổng tiền lãi là 18.575.600 đồng (trong đó lãi trong hạn là 11.654.532 đồng, lãi quá hạn là 6.921.068 đồng). Vợ chồng bà Lê Thị L và ông Phùng Đình N chịu số tiền lãi phát sinh theo sổ vay vốn kể từ ngày 29/9/2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay.

3. Về Án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N, tỉnh Ninh Bình không phải chịu.

Bà Lê Thị L và ông Phùng Đình N có lỗi trong hợp đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền: 4.075.719 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Các Điều 463, 466, 470, 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Buộc vợ chồng bà Lê Thị L và ông Phùng Đình N phải trả toàn bộ số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử 28/9/2020 là 81.514.379 đồng cho Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N, tỉnh Ninh Bình. Trong

đó gồm số tiền gốc của hai khoản vay là 59.000.000 đồng (Năm mươi chín triệu đồng) và tổng số tiền lãi phát sinh đến ngày 28/9/2020 là 22.514.379 đồng) và toàn bộ lãi phát sinh theo hợp đồng kể từ ngày 29/09/2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền mà vợ chồng bà L, ông N phải thi hành cho đến khi thi hành xong hàng tháng vợ chồng bà L, ông N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị L và ông Phùng Đình N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền: 4.075.719 đồng.

3. Quyền kháng cáo: Phòng giao dịch NHCSXH huyện N, tỉnh Ninh Bình, bà Lê Thị L và ông Phùng Đình N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện N
- THADS huyện N
- Đương sự;
- Lưu/.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Hà Minh Lực